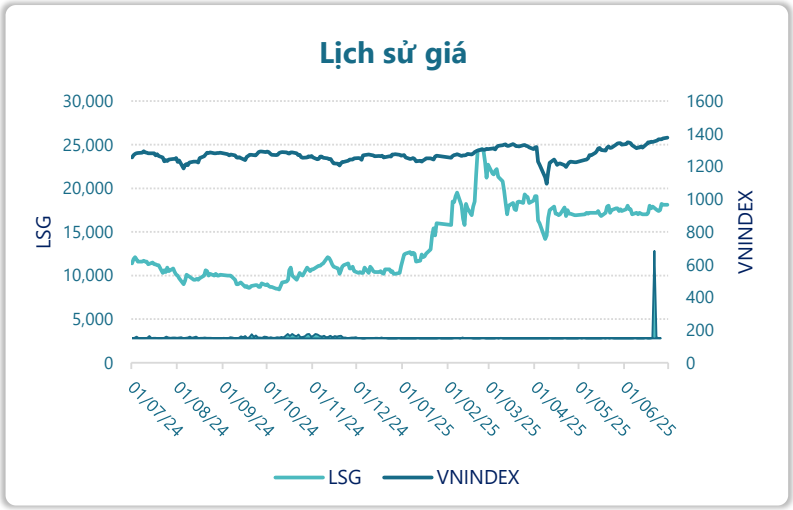
FireAnt

CTCP Bất động sản Sài Gòn Vi Na (UPCOM: LSG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,400
SL cổ phiếu LH	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	119,040
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,629
P/E	-59.6
EPS	-304

DT thuần

Q2/25

1.66

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.66|

YoY: ▲ 1.66|

LN sau thuế

Q2/25

-15.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.30| 1.7%

YoY: ▼14.6| -1716%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1355%

#VALUE!

DT thuần

6T 2025

1.66

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.66|

LN sau thuế

6T 2025

-31.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼30.1| -2795%

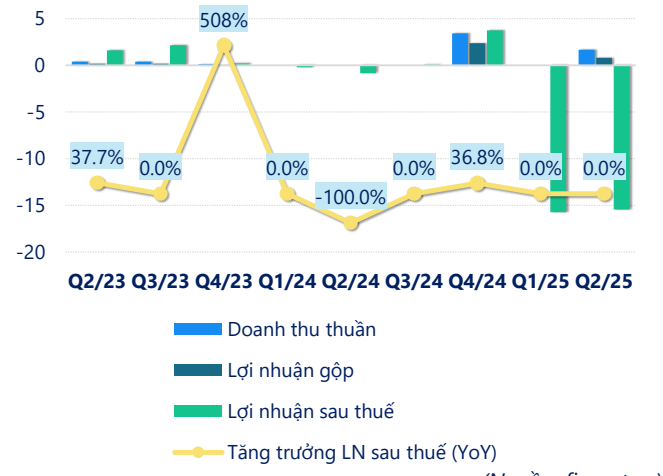
ROE

Q2/25

-2.7%

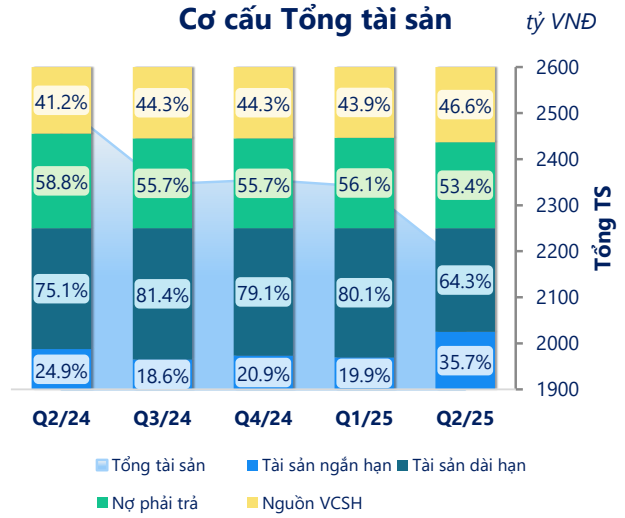
+/- YoY: ▼ 2.8%

Kết quả kinh doanh



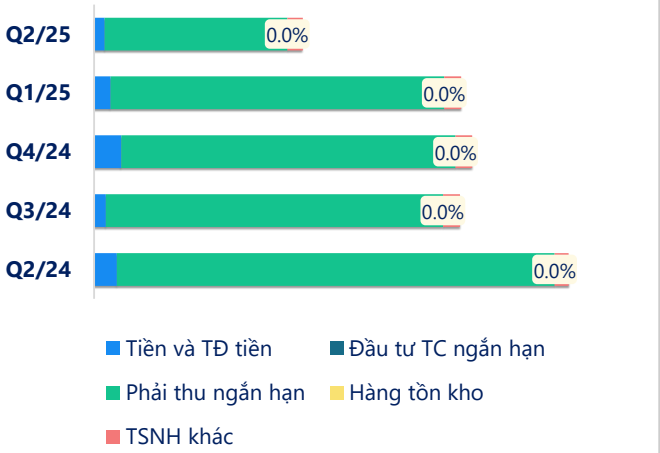
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



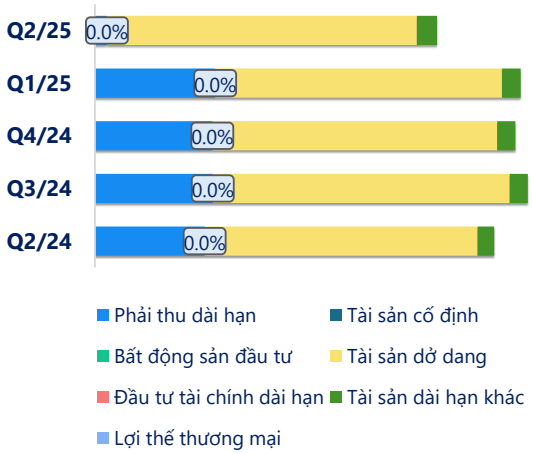
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



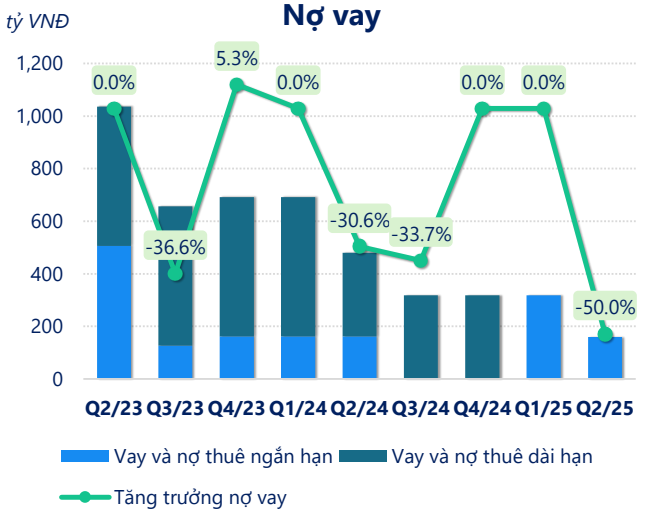
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



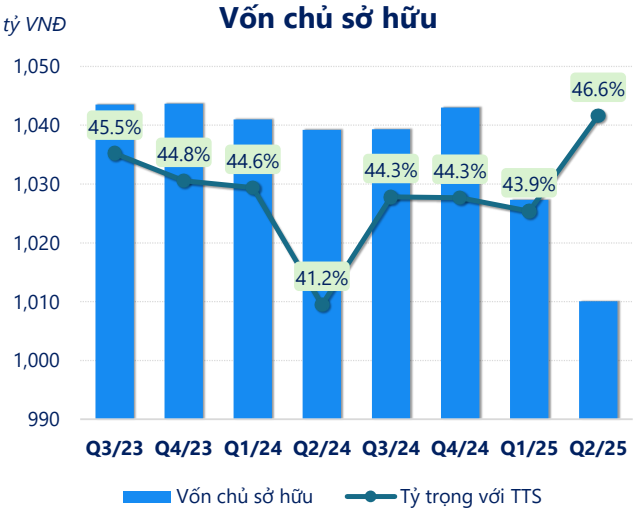
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



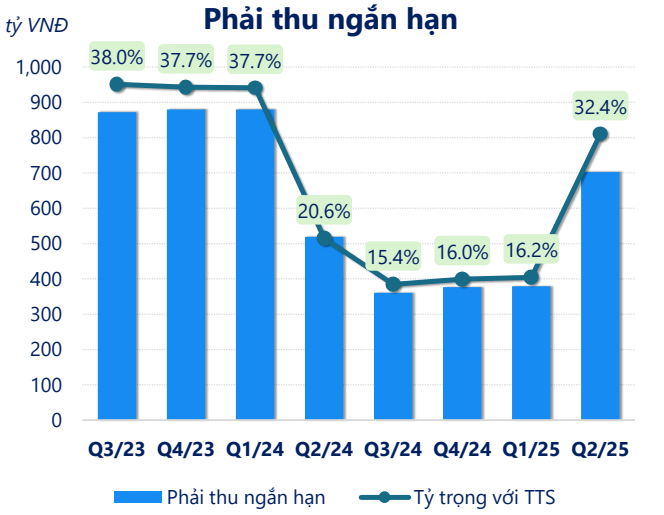
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



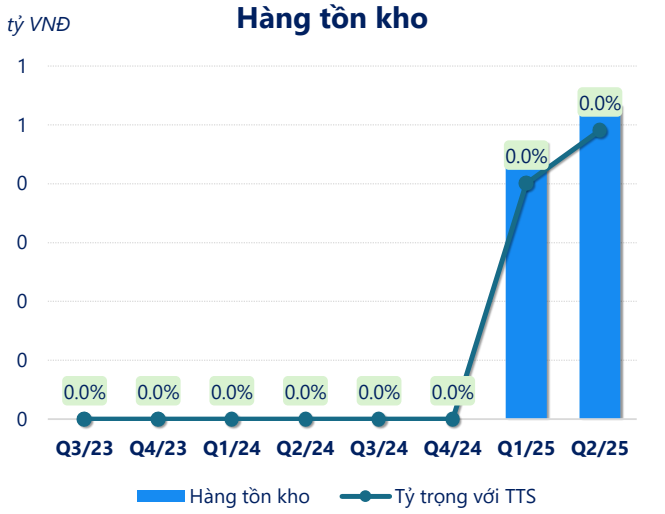
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



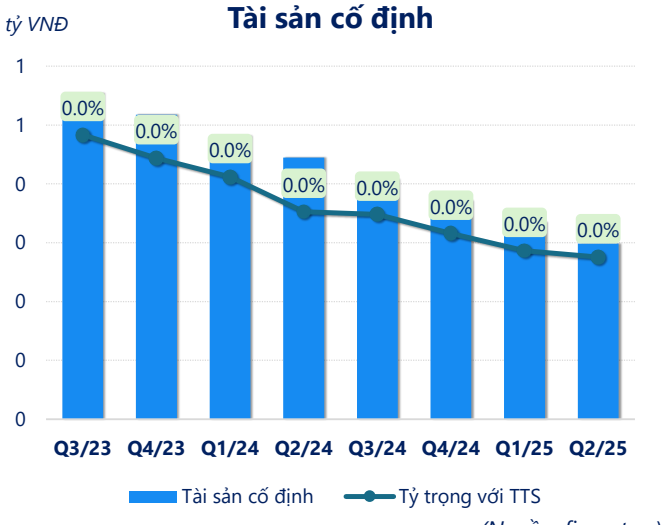
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



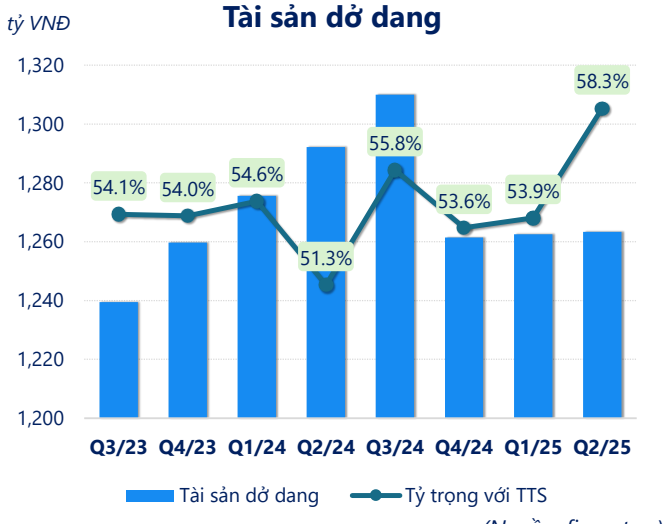
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



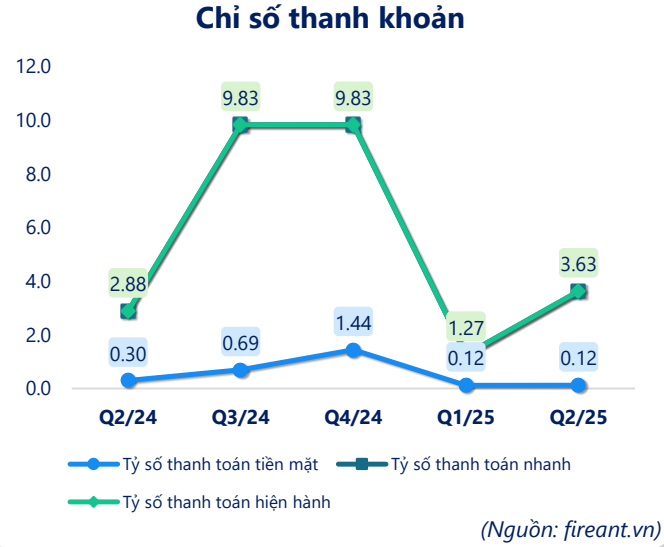
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



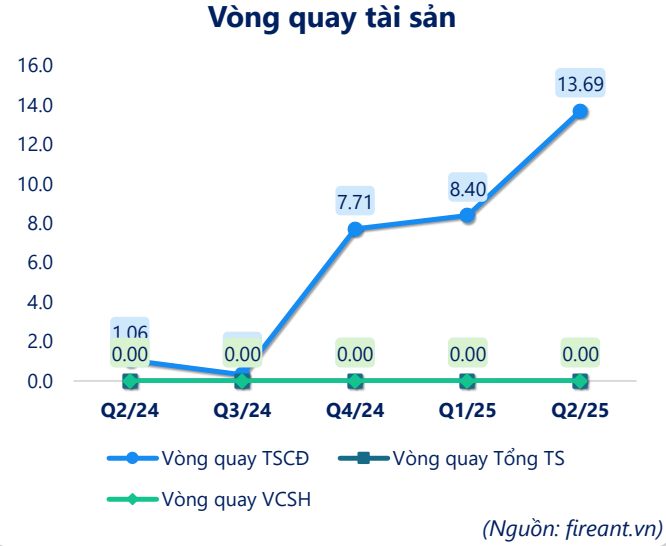
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,519**	**2,346**	**2,355**	**2,340**	**2,167**
Tài sản ngắn hạn	**628**	**436**	**493**	**467**	**773**
Tiền và tương đương tiền	65.0	30.8	72.4	43.5	25.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	519	361	377	379	702
Hàng tồn kho	0	0	0	0.47	0.53
Tài sản ngắn hạn khác	44.1	44.3	43.9	44.0	43.9
Tài sản dài hạn	**1,891**	**1,910**	**1,863**	**1,874**	**1,395**
Phải thu dài hạn	520	520	520	529	48.6
Tài sản cố định	0.44	0.41	0.37	0.34	0.30
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,292	1,310	1,261	1,262	1,263
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	78.8	80.0	81.1	81.9	82.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,480**	**1,307**	**1,312**	**1,313**	**1,157**
Nợ ngắn hạn	**218**	**44.4**	**50.2**	**369**	**213**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	162	0	0	318	159
Phải trả người bán ngắn hạn	0.30	0.17	0.17	0.17	0.17
Nợ dài hạn	1,262	1,262	1,262	944	944
Vay và nợ thuê dài hạn	318	318	318	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,039**	**1,039**	**1,043**	**1,027**	**1,010**
Vốn chủ sở hữu	**1,039**	**1,039**	**1,043**	**1,027**	**1,010**
Vốn điều lệ	900	900	900	900	900
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)